

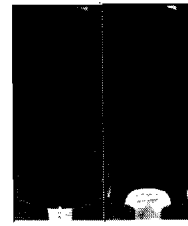
福星制衣越南廠 制衣工程 IE 出數核定流程表

1. 由越南廠的 IE 人員，依據上線款式，製作工程表及時間初估表。
2. 經越南廠生產部會商研究後，由生產主管提出效率建議與工程改善說明。並簽字
3. 經越南廠總經理核實後，將文件呈送臺北公司做最後核可。
4. 依臺北公司核可之 IE 數據後，作為越南廠的效率評估與績效獎金標準。

款式: G15-129D		款式說明: 女裝洋裝		制表人: 阿草		日期: 2015/03/30		文件編號:											
參考雷同款:  照片					生產車縫時間: 2327 特車組時間: 0					總時間: 2327									
					生產出數: 12.37					特車組出數: 0					IE 總出數: 12.37				

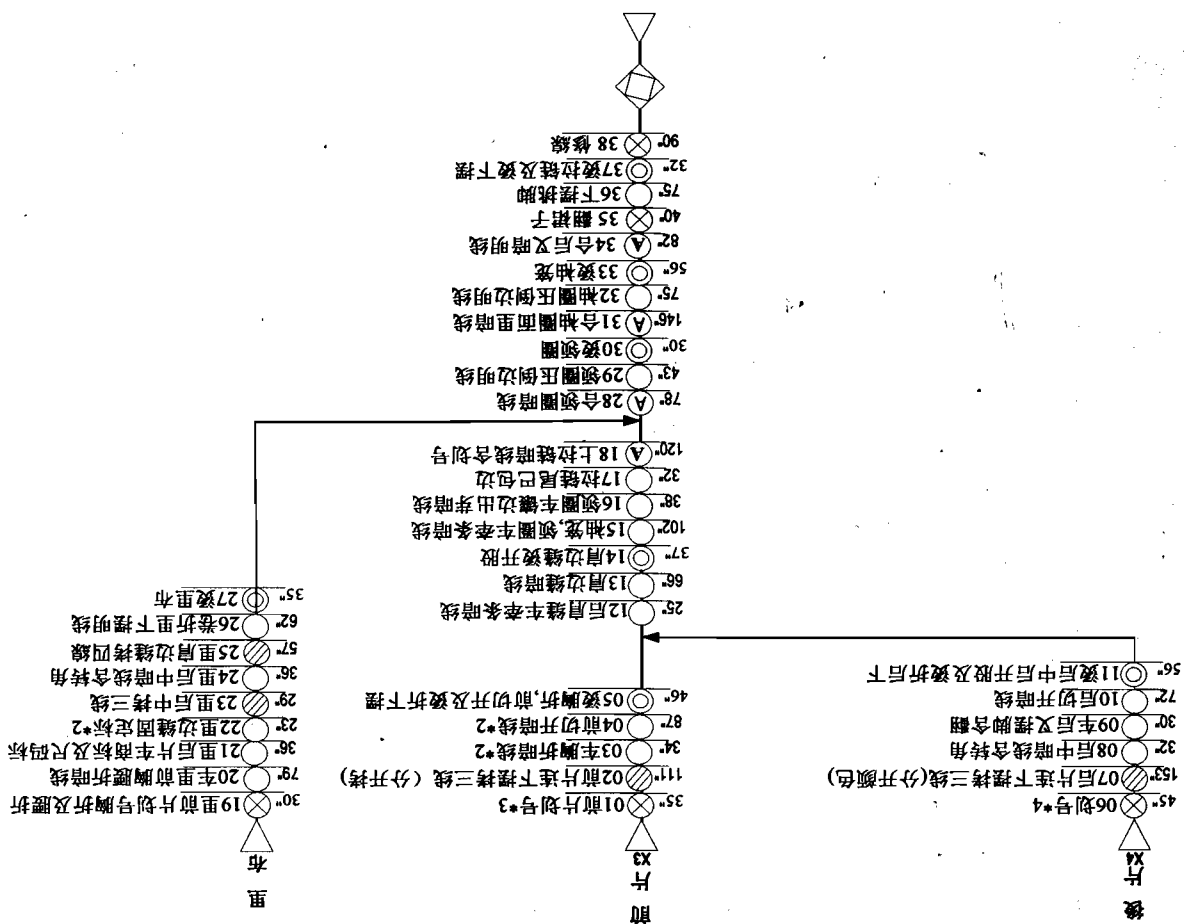
PPIC 主管:

134/10



作業別	車縫組(秒)	1534		
平車作業		0		
縫針車作業		26		
特種車作業		292		
手縫作業		240		
合計工時(秒)		2327		
出數(件)		12.37		
總出數		12.37		

作業別時間明細表



G15-129D 縫製流程圖

2015/04/10
阿草

客戶: WHBM

FORMOSTAR GARMENT (VIETNAM) CO., LTD
SEWING OPERATION LIST

TAIPEI IE OUTPUT: 12.38
VN IE OUTPUT: 12.38

STYLE NO: 515-129D
DATE: 10/4/2015

đoạn	Mô công	工段名稱	Tên công đoạn	等級	Cấp	合縫記号	使用机器	Thời gian	Đơn vị	日產量
		前片、組合	Thân trước, Mũi chính							
01	前下片划号*2	SD TT trên*3	VS 3 chỉ TT + gấu (xanh)	B			拷克	41	360.8	702
02	前片, 腰折三线(白色)	VS 3 chỉ TT + gấu (xanh)	VS 3 chỉ TT + gấu (đen)	B			拷克	70	616	411
03	前片三线(黑色)	VS 3 chỉ TT + gấu (đen)	May ly ngực TT*2	B			平车	34	299.2	847
04	车前胸折暗线*2	May ly ngực TT*2	Can chập sườn TT	B			平车	87	765.6	331
05	车前切开暗线	Can chập sườn TT	Là rẽ sườn TT, là lật ly ngực*2, là gấp gấu TT	B			手挽	46	404.8	626
06	前切开, 腰折开股及腰折下摆		May dây vò cổ	B			喇叭	38	334.4	758
11	领圈车条	May dây vò cổ	May dây vòng nách	B			平车	67	589.6	430
10	袖笼圈车条	May dây vòng nách	Là rẽ sườn vai	B			手挽	37	325.6	778
09	肩边缝开股(上)	Là rẽ sườn vai	Can chập sườn vai	B			平车	66	580.8	436
08	肩边缝暗线	Can chập sườn vai	May dây cầu vai	B			平车	25	220	1152
07	肩缝车条	May dây cầu vai	Là rẽ sườn vai	B			手挽	46	404.8	626
06	前切开, 腰折开股及腰折下摆		Là rẽ sườn TT, là lật ly ngực*2, là gấp gấu TT	B			手挽	46	404.8	626
05	车前切开暗线	Can chập sườn TT	May ly ngực TT*2	B			平车	34	299.2	847
04	车前胸折暗线*2	May ly ngực TT*2	Can chập sườn TT	B			平车	87	765.6	331
03	前片三线(黑色)	VS 3 chỉ TT + gấu (đen)	May ly ngực TT*2	B			平车	42	369.6	686
02	前片, 腰折三线(白色)	VS 3 chỉ TT + gấu (xanh)	May móc chỉnh, mũi móc lóc, sd	B			平车	36	316.8	800
01	前下片划号*2	SD TT trên*3	Ghim móc sườn*2	B			平车	23	202.4	1252
			VS 3 chỉ lóc khada	B			拷克	29	255.2	993
			Can chập giữa sau, quay góc sẽ	B			平车	36	316.8	800
			VS 4 chỉ sườn vai lóc	B			拷克	57	501.6	505
			Điều gấu lóc	B			平车	62	545.6	465
			Là lóc	B			手挽	35	308	823

STYLE NO: 615-129D
DATE: 10/4/2015

12.38

12.38

[illegible]